

Số: 1056/QĐ-ĐHCNDMHN

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
V/v ban hành Đề án tuyển sinh đại học năm 2022
của trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP DỆT MAY HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 769/QĐ-TTg ngày 04/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội trên cơ sở tổ chức lại trường Cao đẳng Công nghiệp - Dệt May Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 08/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh, đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động ban hành kèm theo Quyết định số 849/QĐ-ĐHCNDMHN ngày 06/8/2020 của Hội đồng trường, trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng tuyển sinh của trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội thông qua Đề án tuyển sinh đại học năm 2022 ngày 20/6/2022;

Xét đề nghị của phụ trách phòng Tuyển sinh và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Đề án tuyển sinh năm 2022 của trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội.

Điều 2. Trường các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi thành quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- ĐU, Hội đồng trường (để báo cáo);
- Công thông tin điện tử Trường (để thông báo);
- Như điều 2;
- Lưu: VT, TS&TT.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Hoàng Xuân Hiệp



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHIỆP DỆT MAY HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 1056/QĐ-ĐHCNDMHN ngày 23 tháng 6 năm 2022)

I. Thông tin chung

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội
2. Mã trường: CCM
3. Địa chỉ trụ sở chính: Lê Chi- huyện Gia Lâm- Thành phố Hà Nội
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử : hict.edu.vn
5. Địa chỉ các trang mạng xã hội: <https://www.facebook.com/tshict>
6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02436922552; 0917966488; 0915001951
7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

- Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://hict.edu.vn/bao-cai-khao-sat-viec-lam-nam-2021-cua-svtn-sau-12-thang.htm>

- Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Khối ngành V					
Công nghệ may	Đại học	350	359	291	94.5%
Quản lý công nghiệp	Đại học	100	102	75	98.4%
Công nghệ Sợi, Dệt	Đại học	50	46	42	90.5%
Tổng		500	507	408	94.7%

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Năm 2020

- Đề án tuyển sinh năm 2020: <http://hict.edu.vn/de-an-tuyen-sinh-nam-2020.htm>

- Thông báo tuyển sinh năm 2020: <http://hict.edu.vn/thong-bao-tuyen-sinh-nam-2020.htm>

Năm 2021

- Đề án tuyển sinh năm 2021: <http://hict.edu.vn/de-an-tuyen-sinh-nam-2021.htm>

- Thông báo tuyển sinh năm 2021:

http://hict.edu.vn/pic/general/files/TB%20tuyen%20sinh%20nam%202021_0001.pdf

8.1. Phương thức tuyển sinh năm 2021 và 2021

- Xét kết quả thi TNTHPT
- Xét kết quả học tập THPT
- Tuyển thẳng theo phương án riêng của Trường.
- Xét tuyển kết hợp thi tuyển năng khiếu (áp dụng đối với ngành Thiết kế thời trang).

8.2. Điểm trúng tuyển của năm 2021 và 2022

8.2.1. Xét kết quả học tập THPT

TT	Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2020			Năm 2021		
			Chỉ tiêu	Số trúng tuyển nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	trúng tuyển nhập học	Điểm trúng tuyển
1.	Nhóm ngành II		40	56		60		
	<i>Ngành: Thiết kế thời trang</i>	Xét kết quả học tập THPT						
	<i>Tổ hợp: V00</i>							
	<i>Tổ hợp: V01</i>		40	56	20	60	93	20-22
	<i>Tổ hợp: H00</i>							
	<i>Tổ hợp: D01</i>							
2.	Nhóm ngành III		12	11		45	42	
	<i>Ngành: Marketing</i>	Xét kết quả học tập THPT						
	<i>Tổ hợp: A00</i>							
	<i>Tổ hợp: A01</i>		12	11	18	15	26	18
	<i>Tổ hợp: D01</i>							
	<i>Tổ hợp : B00</i>							

[illegible]

TT	Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2020			Năm 2021		
			Chỉ tiêu	Số trúng tuyển nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	trúng tuyển nhập học	Điểm trúng tuyển
3.	Nhóm ngành V		540	293			285	
	Ngành: Quản lý công nghiệp	Xét kết quả thi THPT	48	37	15	60	33	16.5
	Tổ hợp: A00							
	Tổ hợp: A01							
	Tổ hợp: D01							
	Tổ hợp: B00							
	Ngành: Công nghệ Sợi, Dệt	Xét kết quả thi THPT	12	5	15	10	2	16.5
	Tổ hợp: A00							
	Tổ hợp: A01							
	Tổ hợp: D01							
	Tổ hợp: B00							
	Ngành: Công nghệ may	Xét kết quả thi THPT	456	242	16	360	239	17.5
	Tổ hợp: A00							
	Tổ hợp: A01							
	Tổ hợp: D01							
	Tổ hợp: B00							
	Ngành: Công nghệ KT cơ khí	Xét kết quả thi THPT	12	4	15	10	6	16.5
	Tổ hợp: A00							
	Tổ hợp: A01							
	Tổ hợp: D01							
	Tổ hợp: B00							
	Ngành: Công nghệ KT điện, điện tử	Xét kết quả thi THPT	12	5	15	10	5	16.5
	Tổ hợp: A00							
	Tổ hợp: A01							
	Tổ hợp: D01							
	Tổ hợp: B00							



9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://hict.edu.vn/danh-muc-cac-nganh-dao-tao.htm>

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Công nghệ may	7540209	1136/QĐ-BGDĐT	07/04/2016	848/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ GD&ĐT	2016	2021
2	Công nghệ sợi, dệt	7540202	1136/QĐ-BGDĐT	07/04/2016			Bộ GD&ĐT	2016	2021
3	Quản lý công nghiệp	7510601	1136/QĐ-BGDĐT	07/04/2016			Bộ GD&ĐT	2016	2021
4	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	384/QĐ-BGDĐT	09/02/2017			Bộ GD&ĐT	2017	2021
5	Thiết kế thời trang	7210404	384/QĐ-BGDĐT	09/02/2017			Bộ GD&ĐT	2017	2021
6	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	4458/QĐ-BGDĐT	20/10/2017			Bộ GD&ĐT	2018	2021
7	Marketing	7340115	4458/QĐ-BGDĐT	20/10/2017			Bộ GD&ĐT	2018	2021
8	Kế toán	7340301	481/QĐ-BGDĐT	26/01/2021			Bộ GD&ĐT	2021	2021

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://hict.edu.vn/dieu-kien-dam-bao-chat-luong.htm>

10.1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2021 (Người học)

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
A	ĐẠI HỌC		
1	Đại học chính quy		
1.1	Chính quy		
1.1	Chính quy		
1.1.1	Thiết kế thời trang	7210404	412
1.1.2	Marketing	7340115	81
1.1.3	Công nghệ may	7540209	2767
1.1.4	Công nghệ sợi, dệt	7540202	33
1.1.5	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	60
1.1.6	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	60
1.1.7	Quản lý công nghiệp	7510601	325
1.1.8	Kế toán	7340301	20
1.2	Liên thông từ CĐ lên ĐH		
1.2.1	Công nghệ may	7540209	14
1.2.2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	1

10.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

10.2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường (ha): 59.375,76m²
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): 116 phòng có sức chứa 696 sinh viên
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 9.09 m²/sinh viên



TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	211	18670
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	4	2056
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	8	775
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	77	5540

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	44	3784
1.5	Số phòng học đa phương tiện	54	4595
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	24	1920
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	1	775
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	197	21954
	Tổng	409	41399

3. Danh sách giảng viên

3.1 Danh sách giảng viên toàn thời gian

STT	Họ và Tên	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1	Nguyễn Sỹ An		Tiến sĩ	Kỹ thuật Cơ khí động lực		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
2	Bùi Thị Thu		Thạc sĩ	Kỹ thuật máy và thiết bị cơ giới hoá nông lâm nghiệp		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
3	Đỗ Xuân Chữ		Thạc sĩ	Công nghệ chế tạo máy - Máy dụng cụ		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
4	Ngô Trọng Nội		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
5	Nguyễn Hùng Tâm		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
6	Nguyễn Thành Nhân		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
7	Phạm Ngọc Hiền		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
8	Phan Đức Khánh		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
9	Trần Quyết Thắng		Thạc sĩ	Công nghệ hàn		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
10	Đặng Văn Nghiệp		Đại học	Cơ khí chế tạo máy		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
11	Đào Quang Nhan		Đại học	Kỹ sư tự động		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
12	Nguyễn Công Chính		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
13	Bạch Huy Cường		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
14	Bùi Thế Thành		Thạc sĩ	Tự động hoá, Điện		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

STT	Họ và Tên	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
15	Ngô Tiến Phú		Thạc sĩ	Kỹ thuật tự động hoá		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
16	Ngô Xuân Triệu		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
17	Nguyễn Thái Cường		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
18	Nguyễn Thị Lan Hương		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
19	Phạm Thị Lan		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
20	Vũ Văn Thảo		Thạc sĩ	Sư phạm kỹ thuật điện		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
21	Nguyễn Văn Dinh		Đại học	Liên ngành cơ điện		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
22	Thạch Văn Đông		Đại học	Công nghệ Kỹ thuật cơ khí		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
23	Trịnh Sơn Hải		Đại học	Công nghệ Kỹ thuật cơ khí		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
24	Nguyễn Quang Thắng		Tiến sĩ	Kỹ thuật vật liệu		Công nghệ may
25	Bùi Anh Tuấn		Tiến sĩ	Hệ thống điện		Công nghệ may
26	Đào Hữu Đoàn		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí		Công nghệ may
27	Hà Quốc Thắng		Tiến sĩ	Kinh tế tài chính - ngân hàng		Công nghệ may
28	Lê Thị Kim Tuyết		Tiến sĩ	Quản trị nhân lực, Quản trị kinh doanh		Công nghệ may
29	Lưu Văn Hiếu		Tiến sĩ	Quản trị Kinh doanh		Công nghệ may
30	Lưu Văn Thiêm		Tiến sĩ	Vật liệu và Linh kiện nano		Công nghệ may
31	Ngô Kiên Trung		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Công nghệ may

STT	Họ và Tên	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
32	Nguyễn Sỹ Phương		Tiến sĩ	Kỹ thuật Dệt May		Công nghệ may
33	Nguyễn Thị Hương		Tiến sĩ	Công nghệ Dệt May		Công nghệ may
34	Nguyễn Thị Thu Hương		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Công nghệ may
35	Nguyễn Tùng Vân		Tiến sĩ	Kinh tế		Công nghệ may
36	Nguyễn Văn Đức		Tiến sĩ	Chuyên ngành Kinh tế tài chính - ngân hàng		Công nghệ may
37	Nguyễn Văn Hải		Tiến sĩ	Cơ kỹ thuật		Công nghệ may
38	Tạ Văn Cánh		Tiến sĩ	Quản trị tri thức, Quản trị Kinh doanh		Công nghệ may
39	Trần Minh Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Cơ khí		Công nghệ may
40	Trương Văn Cẩm		Tiến sĩ	Công nghệ Dệt May		Công nghệ may
41	Vũ Hồng Long		Tiến sĩ	Cơ học		Công nghệ may
42	Bùi Thái Hưng		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
43	Bùi Tiến Cường		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm		Công nghệ may
44	Cao Thị Minh Huệ		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
45	Chu Thị Mai Hương		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
46	Đặng Thị Đan		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
47	Đặng Thị Lan Anh		Thạc sĩ	Kinh tế		Công nghệ may

STT	Họ và Tên	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
48	Đặng Thị Nga		Thạc sĩ	Triết học		Công nghệ may
49	Đặng Thị Thuý Hồng		Thạc sĩ	Công nghệ Dệt May		Công nghệ may
50	Đặng Thị Thuý Thành		Thạc sĩ	Luật dân sự		Công nghệ may
51	Đặng Thuý Hằng		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Công nghệ may
52	Đào Bình Thịnh		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Công nghệ may
53	Đỗ Thị Thu Hà		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
54	Đỗ Xuân Tùng		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục, Công nghệ May		Công nghệ may
55	Đỗ Xuân Tùng		Thạc sĩ	Công nghệ Dệt May		Công nghệ may
56	Đồng Trung Du		Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh		Công nghệ may
57	Dư Thị Luyện		Thạc sĩ	Chính trị học		Công nghệ may
58	Dương Công Bằng		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
59	Dương Đức Vinh		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
60	Dương Thị Hoàn		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
61	Dương Thị Hồng Lượng		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
62	Dương Thị Tâm		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
63	Hà Thị Định		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
64	Hoàng Văn Huy		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may

STT	Họ và Tên	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
65	Kiều Thị Lan Anh		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
66	Lê Diệu Linh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh thời trang		Công nghệ may
67	Lê Nguyên Hương		Thạc sĩ	Lý luận và PP dạy học Tiếng Anh		Công nghệ may
68	Lê Thanh Bình		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ may
69	Lê Thị Thanh Minh		Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh		Công nghệ may
70	Lê Văn Hiếu		Thạc sĩ	Sư phạm kỹ thuật CNTT		Công nghệ may
71	Lò Thị Quỳnh Lan		Thạc sĩ	Triết học		Công nghệ may
72	Mai Thế Trường		Thạc sĩ	Công nghệ Dệt May		Công nghệ may
73	Nghiêm Thị Hoài		Thạc sĩ	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật		Công nghệ may
74	Ngô Mạnh Hùng		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng anh (định hướng ứng dụng)		Công nghệ may
75	Ngô Ngọc Hải		Thạc sĩ	Công nghệ Dệt May		Công nghệ may
76	Ngô Thị Thanh Mai		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục, Thời trang		Công nghệ may
77	Ngô Thị Thu Giang		Thạc sĩ	Sư phạm Kỹ thuật Tin học		Công nghệ may
78	Ngô Thị Xuân Thuỷ		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục, Công nghệ May		Công nghệ may
79	Ngô Văn Hưng		Thạc sĩ	Sư phạm Kỹ thuật Tin học		Công nghệ may
80	Nguyễn Đăng Đạt		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ may

STT	Họ và Tên	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
81	Nguyễn Đức Mai		Thạc sĩ	Công nghệ hóa học (Công nghệ các chất vô cơ)		Công nghệ may
82	Nguyễn Đức Thành		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
83	Nguyễn Hữu Thành		Thạc sĩ	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học		Công nghệ may
84	Nguyễn Phương Linh		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
85	Nguyễn Thanh Mai		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Công nghệ may
86	Nguyễn Thị Ánh		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
87	Nguyễn Thị Hà		Thạc sĩ	Triết học		Công nghệ may
88	Nguyễn Thị Hải Duyên		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
89	Nguyễn Thị Hạnh		Thạc sĩ	Toán học		Công nghệ may
90	Nguyễn Thị Hạnh		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May, Công nghệ may và Thời trang		Công nghệ may
91	Nguyễn Thị Hồng Khanh		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
92	Nguyễn Thị Hồng Thuý		Thạc sĩ	Công nghệ Dệt May		Công nghệ may
93	Nguyễn Thị Lan Phương		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Công nghệ may
94	Nguyễn Thị Lanh		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
95	Nguyễn Thị Minh Tâm		Thạc sĩ	Kinh tế tài chính - ngân hàng		Công nghệ may

STT	Họ và Tên	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
96	Nguyễn Thị Ngọc		Thạc sĩ	Đại số và lý thuyết số		Công nghệ may
97	Nguyễn Thị Ngọc Lan		Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh		Công nghệ may
98	Nguyễn Thị Phương		Thạc sĩ	Lý luận và PP dạy học Tiếng Anh		Công nghệ may
99	Nguyễn Thị Phương		Thạc sĩ	Công nghệ Dệt May		Công nghệ may
100	Nguyễn Thị Thành		Thạc sĩ	Công nghệ Dệt May		Công nghệ may
101	Nguyễn Thị Thanh Hiền		Thạc sĩ	Hình học và topo		Công nghệ may
102	Nguyễn Thị Thom		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
103	Nguyễn Thị Thu Hà		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
104	Nguyễn Thị Thu Hằng		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng anh		Công nghệ may
105	Nguyễn Thị Thu Hương		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
106	Nguyễn Thị Thuý		Thạc sĩ	Chính trị học		Công nghệ may
107	Nguyễn Thu Hằng		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
108	Nguyễn Thu Hoà		Thạc sĩ	Công nghệ May		Công nghệ may
109	Nguyễn Thu Phương		Thạc sĩ	Đo lường và đánh giá trong giáo dục		Công nghệ may
110	Nguyễn Thu Thuý		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
111	Nguyễn Văn Anh		Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh		Công nghệ may
112	Nguyễn Văn Thư		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may

STT	Họ và Tên	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
113	Nguyễn Văn Trung		Thạc sĩ	Đo lường và đánh giá trong giáo dục		Công nghệ may
114	Nguyễn Xuân Cương		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
115	Nguyễn Xuân Khán		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục, Công nghệ May		Công nghệ may
116	Phạm Kim Thuý		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
117	Phạm Lan Anh		Thạc sĩ	Lịch sử		Công nghệ may
118	Phạm Thị Đào		Thạc sĩ	Triết học		Công nghệ may
119	Phạm Thị Hương		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
120	Phạm Thị Kim Tuyến		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
121	Phạm Thị Mai Dung		Thạc sĩ	Phương trình vi phân tích phân		Công nghệ may
122	Phạm Thị Oanh		Thạc sĩ	Kinh tế		Công nghệ may
123	Phạm Thị Thu Hà		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Công nghệ may
124	Phạm Xuân Hà		Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh		Công nghệ may
125	Phùng Thị Hạnh		Thạc sĩ	Thương mại		Công nghệ may
126	Phùng Thị Như Trang		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng anh		Công nghệ may
127	Trần Đăng Nhân		Thạc sĩ	Quản lý thông tin		Công nghệ may
128	Trần Lê Huy		Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh		Công nghệ may
129	Trần Mạnh Thường		Thạc sĩ	Luật học		Công nghệ may

STT	Họ và Tên	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
130	Trần Thị Hậu		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp giảng dạy bộ môn tiếng Anh		Công nghệ may
131	Trần Thị Hoàng Nhung		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Công nghệ may
132	Trần Thị Hồng Hạnh		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
133	Trần Thị Thu Anh		Thạc sĩ	Đo lường và đánh giá trong GD		Công nghệ may
134	Trần Thị Vân		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học		Công nghệ may
135	Trịnh Thị Hà Thu		Thạc sĩ	Quản trị chất lượng		Công nghệ may
136	Trịnh Thị Phương		Thạc sĩ	Triết học		Công nghệ may
137	Trịnh Thị Thanh Hương		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
138	Trương Thiên Quốc Chuyên		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
139	Vũ Hồng Duyên		Thạc sĩ	Tiếng anh		Công nghệ may
140	Vũ Mạnh Hùng		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ may
141	Vũ Thị Nếp		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
142	Vũ Thị Thanh Huyền		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
143	Vũ Thị Thu		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ may
144	Vũ Trung Kiên		Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh		Công nghệ may
145	Đào Thị Lệ Quyên		Đại học	Công nghệ May		Công nghệ may

STT	Họ và Tên	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
146	Đỗ Thị Thu Hương		Đại học	Công nghệ May		Công nghệ may
147	Hoàng Thị Kim Bích		Đại học	Công nghệ May		Công nghệ may
148	Ngô Trung Hiếu		Đại học	Công nghệ Dệt May		Công nghệ may
149	Nguyễn Công Ngoan		Đại học	Công nghệ Kỹ thuật cơ khí		Công nghệ may
150	Nguyễn Thị An		Đại học	Công nghệ May		Công nghệ may
151	Nguyễn Thị Kiều Anh		Đại học	Công nghệ May		Công nghệ may
152	Nguyễn Thị Lán		Đại học	Sư phạm tin học		Công nghệ may
153	Nguyễn Thị Lệ Quyên		Đại học	Công nghệ May		Công nghệ may
154	Nguyễn Thị Mai Anh		Đại học	Công nghệ May		Công nghệ may
155	Nguyễn Thị Mơ		Đại học	Công nghệ May		Công nghệ may
156	Nguyễn Thị Ngọc		Đại học	Công nghệ May		Công nghệ may
157	Nguyễn Thị Phương Hoa		Đại học	Công nghệ Dệt May		Công nghệ may
158	Nguyễn Thị Thanh Sơn		Đại học	Sư phạm Kỹ thuật		Công nghệ may
159	Nguyễn Thị Thảo Anh		Đại học	Công nghệ May		Công nghệ may
160	Nguyễn Văn Hạnh		Đại học	Luật kinh tế		Công nghệ may
161	Nguyễn Văn Ngọc		Đại học	Công nghệ May		Công nghệ may
162	Nguyễn Việt Hiếu		Đại học	Công nghệ May		Công nghệ may

STT	Họ và Tên	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
163	Nguyễn Xuân Sao		Đại học	Công nghệ May		Công nghệ may
164	Tạ Thị Chang		Đại học	Công nghệ May		Công nghệ may
165	Văn Thị Cúc Hoa		Đại học	Công nghệ May		Công nghệ may
166	Võ Đăng Tuấn		Đại học	Công nghệ Chế tạo máy		Công nghệ may
167	Vũ Chi Phương		Đại học	Công nghệ Kỹ thuật cơ khí		Công nghệ may
168	Vũ Thị Hương		Đại học	Công nghệ May		Công nghệ may
169	Vũ Văn Hải		Đại học	Sư phạm Toán		Công nghệ may
170	Võ Thị Lan Hương		Tiến sĩ	Công nghệ Dệt May		Công nghệ sợi, dệt
171	Đinh Thị Nhân		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ sợi, dệt
172	Nguyễn Hữu Uẩn		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ sợi, dệt
173	Phạm Thị Tốt		Thạc sĩ	Hóa lý thuyết và hóa lý, Công nghệ điện hóa và bảo vệ kim loại		Công nghệ sợi, dệt
174	Tạ Thị Dịu		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ sợi, dệt
175	Trần Quang Long		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ sợi, dệt
176	Trần Thị Vinh		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ sợi, dệt
177	Trương Thị Ngân		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ sợi, dệt
178	Vũ Đức Tân		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Công nghệ sợi, dệt

STT	Họ và Tên	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
179	Dương Thị Nhung		Đại học	Công nghệ May		Công nghệ sợi, dệt
180	Nguyễn Hữu Long		Đại học	Giáo dục thể chất		Công nghệ sợi, dệt
181	Trần Thị Hoa Thơm		Tiến sĩ	Kinh tế		Kế toán
182	Đặng Thị Ngát		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
183	Đào Thị Hằng		Thạc sĩ	Kế toán, Kế toán tài chính doanh nghiệp		Kế toán
184	Đỗ Thị Kim Dung		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kế toán
185	Đoàn Ngọc Anh		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
186	Hà Thị Thu Thủy		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
187	Ngô Chí Thành		Thạc sĩ	Kế toán - tài chính DNTM		Kế toán
188	Nguyễn Thị Ngân Hà		Thạc sĩ	Kinh tế TG và quan hệ kinh tế quốc tế		Kế toán
189	Nguyễn Thị Thu Huyền		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
190	Dương Hoàng Ân		Đại học	Luật kinh tế		Kế toán
191	Nguyễn Bá Dưỡng		Đại học	Kinh tế phát triển		Kế toán
192	Đậu Xuân Đạt		Tiến sĩ	Kinh doanh thương mại, Quản lý kinh tế, Kinh tế thương mại		Marketing
193	Đoàn Thị Hương Thủy		Thạc sĩ	Marketing		Marketing
194	Lý Thu Cúc		Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh		Marketing

STT	Họ và Tên	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
195	Nguyễn Đắc Hậu		Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh		Marketing
196	Nguyễn Thị Hồng		Thạc sĩ	Quản trị marketing		Marketing
197	Phạm Thị Thu Hà		Thạc sĩ	Marketing thương mại		Marketing
198	Trần Bình An		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
199	Trịnh Thuý Giang		Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh		Marketing
200	Xuân Thị Thu Trang		Thạc sĩ	Marketing Quốc tế		Marketing
201	Nguyễn Mạnh Huân		Đại học	Luật học		Marketing
202	Nguyễn Thị Huyền Thanh		Đại học	Công nghệ thông tin		Marketing
203	Nguyễn Thị Mận		Đại học	Công nghệ May		Marketing
204	Hoàng Xuân Hiệp		Tiến sĩ	Quản trị Kinh doanh Công nghiệp và xây dựng, Quản trị kinh doanh		Quản lý công nghiệp
205	Đinh Thị Thuý		Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh		Quản lý công nghiệp
206	Đoàn Thị Phương Thảo		Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh		Quản lý công nghiệp
207	Đoàn Thị Thu Hương		Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh		Quản lý công nghiệp
208	Dương Thị Tân		Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh		Quản lý công nghiệp
209	Dương Văn Long		Thạc sĩ	Quản lý Kinh tế		Quản lý công nghiệp
210	Hà Kiều Trang		Thạc sĩ	Ngoại ngữ tiếng Anh		Quản lý công nghiệp

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
CÔNG NGHIỆP
HÀ NỘI

STT	Họ và Tên	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
211	Hà Thị Hương		Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh		Quản lý công nghiệp
212	Hàn Thị Mỹ Hạnh		Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh		Quản lý công nghiệp
213	Hoàng Thị Huế		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Quản lý công nghiệp
214	Lương Thị Kim Dung		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Quản lý công nghiệp
215	Nguyễn Mạnh Hưng		Thạc sĩ	Kinh tế tài chính - ngân hàng		Quản lý công nghiệp
216	Nguyễn Minh Đức		Thạc sĩ	Quản trị nhân lực		Quản lý công nghiệp
217	Nguyễn Nhật Thành		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Quản lý công nghiệp
218	Nguyễn Quang Vinh		Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh		Quản lý công nghiệp
219	Nguyễn Thị Giang		Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh		Quản lý công nghiệp
220	Nguyễn Thị Hiền		Thạc sĩ	Quản trị nguồn nhân lực		Quản lý công nghiệp
221	Nguyễn Thị Hồng Duyên		Thạc sĩ	Kinh doanh và quản lý		Quản lý công nghiệp
222	Nguyễn Thị Ngọc		Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh		Quản lý công nghiệp
223	Nguyễn Văn Thản		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp		Quản lý công nghiệp
224	Phạm Thị Linh		Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh		Quản lý công nghiệp
225	Trần Thị Ngát		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp		Quản lý công nghiệp
226	Hoàng Thị Như Phượng		Đại học	Quản trị doanh nghiệp		Quản lý công nghiệp
227	Nguyễn Văn Khúc		Đại học	Công nghệ May		Quản lý công nghiệp

STT	Họ và Tên	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
228	Phạm Văn Chương		Đại học	Quản trị doanh nghiệp thương mại		Quản lý công nghiệp
229	Tô Thị Hương Giang		Đại học	Kinh tế		Quản lý công nghiệp
230	Nguyễn Văn Thông		Tiến sĩ	Công nghệ Dệt May, Công nghệ Dệt		Thiết kế thời trang
231	Bùi Thế Hanh		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May, Công nghệ may và Thời trang		Thiết kế thời trang
232	Bùi Thị Nhung		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Thiết kế thời trang
233	Bùi Thị Oánh		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Thiết kế thời trang
234	Bùi Thị Phượng		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng (chuyên ngành thời trang)		Thiết kế thời trang
235	Chu Thị Ngọc Thạch		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Thiết kế thời trang
236	Đặng Hồng Thụy		Thạc sĩ	Sư phạm tiếng anh		Thiết kế thời trang
237	Đặng Trần Thiều		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Thiết kế thời trang
238	Đinh Thị Thanh Huyền		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng (chuyên ngành Thời trang)		Thiết kế thời trang
239	Đoàn Thanh Hà		Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh		Thiết kế thời trang
240	Đoàn Thị Lý		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Thiết kế thời trang
241	Dương Thị Hân		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May, Công nghệ may và Thời trang		Thiết kế thời trang

VA
G
OC
DỆT M
NỘI

STT	Họ và Tên	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
242	Khúc Thị Minh Phượng		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật CN (chuyên ngành thời trang)		Thiết kế thời trang
243	Lê Thái Sơn		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng, (chuyên ngành thời trang)		Thiết kế thời trang
244	Ngô Thị Kim Thoa		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Thiết kế thời trang
245	Nguyễn Cầu Bân		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Thiết kế thời trang
246	Nguyễn Huy Đông		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May, Công nghệ may và Thời trang		Thiết kế thời trang
247	Nguyễn Ngọc Tiệp		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Thiết kế thời trang
248	Nguyễn Thị Hồng Liên		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật CN (chuyên ngành thời trang)		Thiết kế thời trang
249	Nguyễn Thị Huế		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Thiết kế thời trang
250	Nguyễn Thị Thanh Huệ		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục, Thời trang		Thiết kế thời trang
251	Nguyễn Thu Phượng		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật CN (chuyên ngành thiết kế thời trang)		Thiết kế thời trang
252	Nguyễn Văn Huy		Thạc sĩ	Sư phạm kỹ thuật CNTT		Thiết kế thời trang
253	Phạm Bích Hường		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Thiết kế thời trang
254	Phạm Kim Anh		Thạc sĩ	Tiếng Anh phiên dịch		Thiết kế thời trang

STT	Họ và Tên	Chức danh khoa học	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
255	Phạm Thị Lụa		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May, Công nghệ may và Thời trang		Thiết kế thời trang
256	Phạm Thị Minh Huyền		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Thiết kế thời trang
257	Phí Thị Huyền		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật CN (chuyên ngành thiết kế thời trang)		Thiết kế thời trang
258	Phùng Thị Ái		Thạc sĩ	Ngoại ngữ tiếng Anh		Thiết kế thời trang
259	Tạ Thế Dũng		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học (CNTT)		Thiết kế thời trang
260	Trần Đăng Đầu		Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh		Thiết kế thời trang
261	Trần Đức Tiến		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May, Công nghệ may và Thời trang		Thiết kế thời trang
262	Trương Thanh Giang		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May, Công nghệ May và Thời trang		Thiết kế thời trang
263	Vũ Thị Nguyên		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May		Thiết kế thời trang
264	Vũ Thị Sim		Thạc sĩ	Công nghệ Vật liệu Dệt May, Công nghệ may và Thời trang		Thiết kế thời trang
265	Đỗ Xuân Đốc		Đại học	Công nghệ May và Thời trang		Thiết kế thời trang
266	Nguyễn Mai Hương		Đại học	Công nghệ May		Thiết kế thời trang

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử: <http://hict.edu.vn/de-an-tuyen-sinh-nam-2022.htm>

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo¹ trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển năng khiếu trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://hict.edu.vn/quy-che-thi-tuyen-nang-khieu.htm>

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi năng khiếu trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://hict.edu.vn/de-an-thi-tuyen-nang-khieu-nam-2022.htm>

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

1. Tuyển sinh chính quy đại học

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

- Đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, sau đây gọi chung là tốt nghiệp trung học.

- Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Cả nước

1.3. Phương thức tuyển sinh

1.3.1. Xét tuyển

a. Phạm vi áp dụng: Áp dụng cho tất cả các ngành đào tạo

b. Hình thức tuyển sinh

- Phương thức 1: Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022 của các môn trong tổ hợp xét tuyển

Điểm xét tuyển là tổng điểm thi của các bài thi/môn thi theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển (không nhân hệ số) cộng điểm ưu tiên theo quy định và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân. Xét tuyển điểm từ cao xuống thấp.

$$\text{Điểm xét tuyển (ĐXT)} = \text{DM1} + \text{DM2} + \text{DM3} + \text{UT}$$

Trong đó:

+ DM1: Điểm thi TNTHPT bài thi/môn thi thứ nhất

¹ Thực hiện từ năm 2023

- + DM2: Điểm thi TNTHPT bài thi/môn thi thứ hai
- + DM3: Điểm thi TNTHPT bài thi/môn thi thứ ba
- + UT là điểm ưu tiên (theo đối tượng và khu vực) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường sử dụng kết quả miễn thi môn ngoại ngữ theo Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông để tuyển sinh.

- Phương thức 2: Xét tuyển kết quả học tập theo học bạ THPT, dựa vào điểm tổng kết năm lớp 11 và HK1 lớp 12 hoặc điểm tổng kết năm học lớp 12 của các môn theo tổ hợp xét tuyển.

- + Với phương án xét tuyển dựa vào điểm tổng kết năm lớp 11 và HK1 lớp 12.

Điểm xét tuyển được tính là tổng điểm bình quân các môn theo tổ hợp đăng ký xét tuyển (không nhân hệ số) cộng điểm ưu tiên theo quy định. Điểm xét tuyển được làm tròn đến 2 chữ số thập phân. Xét tuyển điểm từ cao xuống thấp.

$$\text{Điểm xét tuyển (ĐXT)} = \text{DM1} + \text{DM2} + \text{DM3} + \text{UT}$$

Trong đó:

- + DM1 là trung bình cộng điểm tổng kết năm lớp 11 và HK1 năm lớp 12 môn thứ nhất
- + DM2 là trung bình cộng điểm tổng kết năm lớp 11 và HK1 năm lớp 12 môn thứ hai
- + DM3 là trung bình cộng điểm tổng kết năm lớp 11 và HK1 năm lớp 12 môn thứ ba
- + UT là điểm ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- + Với phương án xét tuyển dựa vào điểm tổng kết lớp 12

Điểm xét tuyển là tổng điểm các môn theo tổ hợp đăng ký xét tuyển (không nhân hệ số), cộng điểm ưu tiên theo quy định. Điểm xét tuyển được làm tròn đến 2 chữ số thập phân. Xét tuyển điểm từ cao xuống thấp.

$$\text{Điểm xét tuyển (ĐXT)} = \text{DM1} + \text{DM2} + \text{DM3} + \text{UT}$$

Trong đó:

- + DM1 là điểm tổng kết năm học lớp 12 môn thứ nhất
- + DM2 là điểm tổng kết năm học lớp 12 môn thứ hai
- + DM3 là điểm tổng kết năm học lớp 12 môn thứ ba
- + UT là điểm ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phương thức 3: Xét tuyển điểm bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐGNL)

Điểm xét tuyển (ĐXT) = Điểm ĐGNL quy theo thang điểm 30 + UT

Trong đó,

+ Điểm đánh giá năng lực (thang điểm 150) được quy về thang điểm 30, tính theo công thức:

*Điểm ĐGNL (quy theo thang điểm 30) = (30/150) * Điểm ĐGNL (thang điểm 150)*

+ UT là điểm ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phương thức 4: Xét tuyển thẳng theo phương án riêng

Đối tượng tuyển thẳng: Thí sinh đạt một trong những điều kiện sau:

- + Có kết quả học tập năm lớp 11 đạt loại giỏi trở lên.
- + Có kết quả học tập học kỳ 2 năm lớp 11 và học kỳ 1 năm lớp 12 đạt loại giỏi trở lên.
- + Có kết quả học tập năm lớp 12 đạt loại giỏi trở lên.
- + Có chứng chỉ TOEIC hoặc TOEFL quốc tế đạt 450 trở lên; hoặc IELTS quốc tế từ 4.5 trở lên và tương đương.

1.3.2. Xét tuyển kết hợp với thi tuyển năng khiếu

a. Phạm vi áp dụng: Ngành Thiết kế thời trang

b. Hình thức tuyển sinh

- Phương thức 5: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022 của các môn trong tổ hợp đăng ký xét tuyển và điểm thi năng khiếu được tổ chức tại trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội.

+ Đối với các môn văn hóa: Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT của môn theo tổ hợp đăng ký xét tuyển. Các môn văn hóa trong tổ hợp để xét tuyển gồm: Toán, Vật lý và Ngữ văn.

+ Đối với các môn năng khiếu: Trường tổ chức thi năng khiếu đối với thí sinh đăng ký tổ hợp có môn thi năng khiếu (V00, V01, H00) để xét tuyển.

Các môn năng khiếu sử dụng để xét tuyển gồm: Vẽ Mỹ thuật, Bố cục màu.

- Điểm xét tuyển là tổng điểm môn năng khiếu (không nhân hệ số), cộng với điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2022 và cộng điểm ưu tiên theo quy định. Điểm xét tuyển làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

Điểm xét tuyển được tính theo công thức sau:

- Tổ hợp V00 và V01:

$$\text{Điểm xét tuyển (ĐXT)} = \text{DM1} + \text{DM2} + \text{DNK} + \text{UT}$$

Trong đó:

- + DM1 là điểm thi tốt nghiệp THPT môn Toán
- + DM2 là điểm thi tốt nghiệp THPT môn Ngữ văn (V01)/ Vật lý (V00)
- + DNK là điểm thi năng khiếu môn Vẽ mỹ thuật tại trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội.
- + UT là điểm ưu tiên (theo đối tượng và khu vực) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tổ hợp H00:

$$\text{Điểm xét tuyển (ĐXT)} = \text{DM1} + \text{DNK1} + \text{DNK2} + \text{UT}$$

Trong đó:

- + DM1 là điểm thi tốt nghiệp THPT môn Ngữ văn
- + DNK1 là điểm thi năng khiếu môn Vẽ mỹ thuật tại trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội.
- + DNK2 là điểm thi năng khiếu môn Bố cục màu tại trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội.
- + UT là điểm ưu tiên (theo đối tượng và khu vực) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phương thức 6: Xét kết quả học tập THPT của các môn trong tổ hợp đăng ký xét tuyển và điểm thi năng khiếu được tổ chức tại trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội.

+ Đối với các môn văn hóa: Sử dụng điểm tổng kết năm lớp 11 và HK1 lớp 12 hoặc điểm tổng kết năm học lớp 12 trong học bạ THPT của môn theo tổ hợp đăng ký xét tuyển. Các môn văn hóa trong tổ hợp để xét tuyển gồm: Toán, Vật lý, Ngữ văn.

+ Đối với các môn năng khiếu: Trường tổ chức thi năng khiếu đối với thí sinh đăng ký tổ hợp có môn thi năng khiếu (V00, V01, H00) để xét tuyển.

Các môn năng khiếu sử dụng để xét tuyển gồm: Vẽ Mỹ thuật, Bố cục màu.

- Điểm xét tuyển là tổng điểm môn năng khiếu (không nhân hệ số), cộng điểm tổng kết năm lớp 11 và HK1 lớp 12 hoặc điểm tổng kết năm học lớp 12 của môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển và cộng điểm ưu tiên theo quy định. Điểm xét tuyển làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

Điểm xét tuyển được tính theo công thức sau:

- Tổ hợp V00 và V01:

$$\text{Điểm xét tuyển (ĐXT)} = \text{DM1} + \text{DM2} + \text{DNK} + \text{UT}$$

Trong đó:

+ DM1 là trung bình cộng điểm tổng kết năm lớp 11 và HK1 năm lớp 12 môn Toán HOẶC điểm tổng kết năm học lớp 12 môn Toán

+ DM2 là trung bình cộng điểm tổng kết năm lớp 11 và HK1 năm lớp 12 môn Ngữ văn (V01)/ Vật lý (V00) HOẶC điểm tổng kết năm học lớp 12 môn Ngữ văn (V01)/ Vật lý (V00)

+ DNK là điểm thi năng khiếu môn Vẽ mỹ thuật tại trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội.

+ UT là điểm ưu tiên (theo đối tượng và khu vực) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tổ hợp H00:

$$\text{Điểm xét tuyển (ĐXT)} = \text{DM1} + \text{DNK1} + \text{DNK2} + \text{UT}$$

Trong đó:

+ DM1 là trung bình cộng điểm tổng kết năm lớp 11 và HK1 năm lớp 12 môn Ngữ văn HOẶC điểm tổng kết năm học lớp 12 môn Ngữ văn

+ DNK1 là điểm thi năng khiếu môn Vẽ mỹ thuật tại trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội.

+ DNK2 là điểm thi năng khiếu môn Bố cục màu tại trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội.

+ UT là điểm ưu tiên (theo đối tượng và khu vực) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Tổng chỉ tiêu đại học chính quy là 1160 được phân bổ cho 6 phương thức xét tuyển, trong đó:

- Chỉ tiêu phương thức 2, phương thức 4, phương thức 5, phương thức 6 chiếm từ 50-70%;

- Chỉ tiêu phương thức 1, phương thức 3 chiếm từ 30-50%.

Trong trường hợp số lượng thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển không đạt chỉ tiêu của một phương thức, số chỉ tiêu còn lại của phương thức đó được chuyển sang phương thức cho phương thức xét tuyển khác.

Cụ thể:

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ² 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1.	Đại học	7210404	Thiết kế thời trang	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT	92	D01		H00		V00		V01	
				303	Xét tuyển thẳng theo phương án riêng		-		-		-		-	
				405	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển									
				406	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển		-		H00		V00		V01	
				100	Xét điểm thi TN 2022	38	D01		H00		V00		V01	
				402	Xét điểm thi đánh giá năng lực		-		-		-		-	
2.	Đại học	7340115	Marketing	200	Xét tuyển kết quả	65	A00		A01		B00		D01	

² Tổ hợp xét tuyển được hiểu là: tổ hợp môn xét tuyển kết quả điểm thi THPT, kết quả học tập cấp THPT hoặc các thông tin khác do trường tự khai báo

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ² 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
					học tập THPT	25								
				303	Xét tuyển thẳng theo phương án riêng		-		-		-		-	
				100	Xét điểm thi TN 2022		A00		A01		B00		D01	
				402	Xét điểm thi đánh giá năng lực		-		-		-		-	
3.	Đại học	7540209	Công nghệ may	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT	455	A00		A01		B00		D01	
				303	Xét tuyển thẳng theo phương án riêng		-		-		-		-	
				100	Xét điểm thi TN 2022	195	A00		A01		B00		D01	
				402	Xét điểm thi đánh giá năng lực		-		-		-		-	

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ² 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
4.	Đại học	7540202	Công nghệ sợi, dệt	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT	14	A00		A01		B00		D01	
				303	Xét tuyển thẳng theo phương án riêng		-		-		-		-	
				100	Xét điểm thi TN 2022	6	A00		A01		B00		D01	
				402	Xét điểm thi đánh giá năng lực		-		-		-		-	
5.	Đại học	7510601	Quản lý công nghiệp	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT	84	A00		A01		B00		D01	
				303	Xét tuyển thẳng theo phương án riêng		-		-		-		-	
				100	Xét điểm thi TN 2022	36	A00		A01		B00		D01	
				402	Xét điểm thi đánh giá năng lực		-		-		-		-	

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ² 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
6.	Đại học	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT	21	A00		A01		B00		D01	
				303	Xét tuyển thẳng theo phương án riêng		-		-		-		-	
				100	Xét điểm thi TN 2022	9	A00		A01		B00		D01	
				402	Xét điểm thi đánh giá năng lực		-		-		-		-	
7.	Đại học	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT	21	A00		A01		B00		D01	
				303	Xét tuyển thẳng theo phương án riêng		-		-		-		-	
				100	Xét điểm thi TN 2022	9	A00		A01		B00		D01	
				402	Xét điểm thi đánh giá năng lực		-		-		-		-	

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ² 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
8.	Đại học	7340301	Kế toán	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT	65	A00		A01		B00		D01	
				303	Xét tuyển thẳng theo phương án riêng		-		-		-		-	
				100	Xét điểm thi TN 2022	25	A00		A01		B00		D01	
				402	Xét điểm thi đánh giá năng lực		-		-		-		-	

1.5. Ngưỡng đầu vào

- Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT

+ Ngưỡng đảm bảo chất lượng: Trường sẽ công bố sau khi có kết quả thi THPT năm 2022.

+ Điểm nhận đăng ký xét tuyển: theo ngưỡng đảm bảo chất lượng.

- Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT

+ Ngưỡng đảm bảo chất lượng: Tổng điểm xét tuyển theo tổ hợp đăng ký tính cả điểm ưu tiên đạt 18 điểm trở lên.

- Phương thức xét tuyển bằng điểm bài thi đánh giá năng lực năm 2022 (thang điểm 150):

+ Ngưỡng đảm bảo chất lượng: Tổng điểm thi ≥ 70 điểm

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường:

a) Thông tin chung về Trường

- Tên trường: trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội

- Mã trường: CCM

- Website: hict.edu.vn

- Email: tuyensinhdetmay@hict.edu.vn;

<http://www.facebook.com/tshict>

- Điện thoại: 024.36922552; 0917966488

b) Mã ngành, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển

TT	Tên ngành	Mã ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển
1	Công nghệ May (Đào tạo các chuyên ngành: Thiết kế mẫu công nghiệp; Thiết kế công nghệ; Quản lý chất lượng; Quản lý sản xuất)	7540209	100, 200, 303, 402	A00; A01; B00; D01
2	Công nghệ Sợi, Dệt (Đào tạo các chuyên ngành: Công nghệ Sợi; Công nghệ Dệt thoi; Công nghệ dệt kim)	7540202	100, 200, 303, 402	A00; A01; B00; D01

TT	Tên ngành	Mã ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển
3	Quản lý công nghiệp (Đào tạo các chuyên ngành: Quản lý công nghiệp dệt may; Quản lý đơn hàng dệt may)	7510601	100, 200, 303, 402	A00; A01; B00; D01
4	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Đào tạo các chuyên ngành: Quản lý và bảo trì thiết bị may; Công nghệ kỹ thuật cơ khí)	7510201	100, 200, 303, 402	A00; A01; B00; D01
5	Marketing (Đào tạo chuyên ngành Marketing thời trang)	7340115	100, 200, 303, 402	A00; A01; B00; D01
6	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Đào tạo các chuyên ngành: Cơ điện tử trong thiết bị dệt, may; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	7510301	100, 200, 303, 402	A00; A01; B00; D01
7	Kế toán (Đào tạo các chuyên ngành: Kế toán doanh nghiệp; Kế toán hành chính sự nghiệp; Kiểm toán)	7340301	100, 200, 303, 402	A00; A01; B00; D01
8	Thiết kế thời trang (Đào tạo các chuyên ngành: Thiết kế hình ảnh; Thiết kế kỹ thuật)	7210404	100, 200, 303, 402, 405, 406	D01, V00, V01, H00

Mã phương thức xét tuyển

TT	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển
1	100	Xét điểm thi TN THPT 2022
2	200	Xét tuyển kết quả học tập THPT
3	303	Xét tuyển thẳng theo phương án riêng
4	402	Xét điểm thi đánh giá năng lực

TT	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển
5	405	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển
6	406	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển

Tổ hợp xét tuyển

TT	Tổ hợp	Môn 1	Môn 2	Môn 3
1	A00	Toán	Vật lý	Hóa học
2	A01	Toán	Vật lý	Tiếng Anh
3	D01	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
4	B00	Toán	Hóa học	Sinh học
5	V00	Toán	Vật lý	Vẽ mỹ thuật
6	V01	Toán	Ngữ văn	Vẽ mỹ thuật
7	H00	Ngữ văn	Vẽ mỹ thuật	Bố cục màu

c) Số nguyện vọng thí sinh

+ Thí sinh sử dụng kết quả học tập THPT, điểm thi ĐGNL để xét tuyển sớm hoặc xét tuyển ở các đợt bổ sung: Được đăng ký tối đa 3 nguyện vọng và sắp xếp thứ tự ưu tiên nguyện vọng theo nguyên tắc nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất.

+ Thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng theo phương án riêng ở đợt xét tuyển sớm hoặc xét ở các đợt bổ sung: Chỉ được đăng ký xét tuyển thẳng 01 ngành của trường.

+ Thí sinh đăng ký xét tuyển trên cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Thực hiện theo quy định của BGDDT.

d) Thực hiện xét tuyển

* Nhà trường tổ chức xét tuyển nhiều đợt cho đến khi đủ chỉ tiêu.

* Nguyên tắc xét tuyển:

- Với phương thức xét theo điểm thi tốt nghiệp THPT, xét điểm kết quả học tập THPT, xét điểm thi ĐGNL

+ Điểm xét tuyển được xét từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu. Trong các đợt xét tuyển, thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo kết quả thi/kết quả điểm

tiên của nguyện vọng đăng ký. Điểm trúng tuyển đợt sau không thấp hơn điểm trúng tuyển của đợt liền kề trước đó.

+ Giữa các tổ hợp không có sự chênh lệch về điểm xét tuyển, không sử dụng tiêu chí phụ trong quá trình xét tuyển.

- Với phương thức xét tuyển thẳng theo phương án riêng: Nhà trường xét tuyển thẳng theo phương án riêng đối với những đối tượng xét tuyển thẳng quy định tại mục 1.3.1, phương thức 4.

1.7. Tổ chức tuyển sinh

1.7.1. Thời gian đăng ký xét tuyển /thi tuyển năng khiếu

a) Thời gian đăng ký xét tuyển

TT	Đợt đăng ký xét tuyển	Thời gian	Ghi chú
1	Xét tuyển sớm (đợt 1)	Từ 01/3 đến hết 31/5/2022	Xét theo phương thức 200, 303, 402, 406
2	Xét tuyển sớm (đợt 2)	Từ 01/6 đến hết 30/6/2022	Xét theo phương thức 200, 303, 402, 406
3	Xét tuyển sớm (đợt 3)	Từ 01/7 đến hết 20/7/2022	Xét theo phương thức 200, 303, 402, 406
4	Xét tuyển chung theo quy định của BGDĐT	Từ 22/7-20/8/2022	Xét theo phương thức 100, 200, 303, 402, 405, 406
5	Xét tuyển đợt bổ sung (nếu có)	Theo thông báo của trường	

b) Thời gian đăng ký thi tuyển, tổ chức thi tuyển năng khiếu

- Thí sinh nhận hồ sơ đăng ký thi tuyển môn năng khiếu - ngành Thiết kế thời trang: Từ 01/3 đến 10/7/2022

- Kế hoạch tổ chức thi

Ngày	Buổi	Nội dung
Ngày 15/7/2022	Sáng	Làm thủ tục dự thi
	Chiều	Thi môn năng khiếu 1 (Vẽ mỹ thuật)
Ngày 16/7/2022	Sáng	Thi môn năng khiếu 2 (Bố cục màu)
	Chiều	Dự phòng

Thông tin tuyển sinh và kỳ thi tuyển năng khiếu của Trường được cập nhật liên tục trên các kênh thông tin:

- Website: hict.edu.vn

- Fanpage tuyển sinh: <http://www.facebook.com/tshict>

1.7.2. Hồ sơ đăng ký xét tuyển/thi tuyển

a) Hồ sơ xét tuyển theo học bạ THPT

Hồ sơ theo mẫu của trường hoặc mẫu hồ sơ xin việc gồm:

- + Bản sao học bạ THPT (Photo công chứng);
- + Bản sao Giấy khai sinh;
- + Chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (Photo công chứng);
- + Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của trường (*tại website: hict.edu.vn*);
- + Giấy xác nhận ưu tiên (nếu có);
- + Bằng tốt nghiệp THPT đối với thí sinh tốt nghiệp các năm trước hoặc Chứng nhận tốt nghiệp THPT đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2022 (Photo công chứng)
- + Lệ phí xét tuyển 30.000đ/hồ sơ

b) Hồ sơ xét tuyển thẳng theo phương án riêng

Hồ sơ theo mẫu của trường hoặc mẫu hồ sơ xin việc gồm:

- + Bản sao học bạ THPT (Photo công chứng);
- + Bằng tốt nghiệp THPT đối với thí sinh tốt nghiệp các năm trước hoặc Chứng nhận tốt nghiệp THPT đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2022 (Photo công chứng)

- + Bản sao khai sinh;
- + Chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (Photo công chứng);
- + Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng theo mẫu của Trường (*tại website: hict.edu.vn*);

Riêng thí sinh xét tuyển thẳng theo chứng chỉ Tiếng Anh phải nộp thêm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (Photo công chứng).

- + Lệ phí xét tuyển 30.000đ/hồ sơ

c) Hồ sơ xét theo điểm thi đánh giá năng lực của ĐHQGHN

Hồ sơ theo mẫu của trường hoặc mẫu hồ sơ xin việc gồm:

- + Giấy chứng nhận kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQGHN (Photo công chứng);
- + Chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (Photo công chứng);
- + Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của trường (*tại website: hict.edu.vn*);
- + Lệ phí xét tuyển 30.000đ/hồ sơ

d) Hồ sơ đăng ký thi tuyển môn năng khiếu

- Trường hợp sử dụng phương thức xét kết quả học tập THPT kết hợp với thi tuyển

Theo hồ sơ được quy định tại mục a, kèm theo đó là:

+ 02 ảnh cỡ 4x6 cm chụp trong vòng 6 tháng.

+ Lệ phí dự thi năng khiếu 300.000đ/hồ sơ

- Trường hợp sử dụng phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT kết hợp với thi tuyển, hồ sơ gồm:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của trường (tại website: hict.edu.vn);

+ 02 ảnh cỡ 4x6 cm chụp trong vòng 6 tháng.

+ Lệ phí dự thi năng khiếu 300.000đ/hồ sơ

1.7.3. Cách thức đăng ký.

- Theo phương thức sử dụng kết quả học tập THPT. Thí sinh có thể đăng ký theo 1 trong 3 cách

+ Cách 1. Đăng ký trực tuyến tại: <http://hict.edu.vn/dang-ky-tuyen-sinh.htm>

+ Cách 2. Nộp hồ sơ trực tiếp tại phòng Tuyển sinh và Truyền thông, trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội.

+ Cách 3. Chuyển phát nhanh hồ sơ qua bưu điện theo địa chỉ: phòng Tuyển sinh và Truyền thông, trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội, xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

- Theo phương thức xét tuyển thẳng/điểm thi ĐGNL. Thí sinh có thể đăng ký theo 1 trong 2 cách

+ Cách 1. Nộp hồ sơ trực tiếp tại phòng Tuyển sinh và Truyền thông, trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội.

+ Cách 2. Chuyển phát nhanh hồ sơ qua bưu điện theo địa chỉ: phòng Tuyển sinh và Truyền thông, trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội, xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

- Theo kết quả thi TNTHPT: Thực hiện quy định của BGDĐT

1.8. Chính sách ưu tiên:

1.8.1. Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trường không tổ chức xét tuyển thẳng với các đối tượng theo quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2022.

1.8.2. Ưu tiên xét tuyển cho các đối tượng không dùng quyền xét tuyển thẳng

Các đối tượng xét tuyển thẳng được quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2022 không được hưởng ưu tiên khi xét tuyển vào Trường.

1.8.3. Điểm ưu tiên xét tuyển theo khu vực và đối tượng: theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

+ Lệ phí xét tuyển theo kết quả thi TNTHPT theo quy định của BGDDT: 20.000 đ/ 1 nguyện vọng

+ Lệ phí xét tuyển theo kết quả học tập THPT/xét tuyển thẳng/xét điểm thi ĐGNL: 30.000/ 1 thí sinh (tính theo đợt)

+ Lệ phí thi tuyển năng khiếu: 300.000 đ/1 thí sinh

Thí sinh có thể nộp theo 1 trong 02 cách sau:

-Cách 1. Nộp trực tiếp tại phòng Tuyển sinh và Truyền thông, Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội.

Cách 2. Chuyển khoản cho Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội (STK: **15110000069995**, Ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô (BIDV).

Thí sinh khi chuyển khoản lệ phí cần ghi rõ nội dung chuyển tiền theo cấu trúc:

+ Họ và tên – Số CMND/CCCD – Số điện thoại – Lệ phí xét tuyển (*nếu nộp lệ phí xét tuyển*)

+ Họ và tên – Số CMND/CCCD – Số điện thoại – Lệ phí thi tuyển (*nếu nộp lệ phí thi tuyển năng khiếu*)

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

- Học phí dự kiến: Từ 15.910.000 VNĐ/năm - 17.522.500 VNĐ/năm

- Lộ trình tăng học phí: Trường có lộ trình tăng học phí từng năm. Học phí năm học tiếp theo tăng không quá 10% so với năm học liền trước.

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

TT	Đợt tuyển sinh	Thời gian
1	Đợt 1	Từ 01/3 đến hết 20/8/2022
2	Đợt bổ sung (nếu có)	Theo thông báo của Trường

1.12. Các nội dung khác

- Kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đào tạo: Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội đạt chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại

học theo Quyết định số: 160/QĐ-KĐCLGD ngày 04/5/2022 của Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục-Hiệp hội các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam

- Văn bằng tốt nghiệp:

TT	Ngành đào tạo	Văn bằng tốt nghiệp
1	Công nghệ Sợi, Dệt	Kỹ sư
2	Thiết kế thời trang	Cử nhân
3	Công nghệ may	Kỹ sư
4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Kỹ sư
5	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Kỹ sư
6	Quản lý công nghiệp	Cử nhân
7	Marketing	Cử nhân
8	Kế toán	Cử nhân

- Năm 2022, Trường dành suất học bổng trị giá 15 triệu đồng cho những thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế TOEIC hoặc TOEFL đạt 450 trở lên hoặc IELTS từ 4,5 trở lên và tương đương.

- Các thủ khoa theo từng phương thức xét tuyển được Trường biểu dương, trao tặng theo Quy định của Trường.

- Giảm 10% học phí kỳ 1 cho thí sinh đăng kí xét tuyển trước ngày 31/3/2022 và nhập học vào trường.

- Hằng năm Nhà trường dành gần 3,5 tỉ đồng để cấp học bổng cho sinh viên gồm có:

+ Học bổng khuyến khích học tập là học bổng dành cho sinh viên (SV) chính quy dài hạn trong trường có thành tích cao trong học tập và rèn luyện.

+ Học bổng hỗ trợ học tập là học bổng dành cho SV chính quy dài hạn trong trường thuộc diện gia đình chính sách hoặc có hoàn cảnh khó khăn, có cố gắng trong học tập và rèn luyện.

+ Học bổng của doanh nghiệp là học bổng do DN tài trợ. Đối tượng là SV có thành tích trong học tập, rèn luyện và đạt được các điều kiện của DN cấp học bổng.

- Chính sách miễn giảm học phí: Trường thực hiện hướng dẫn, hỗ trợ cho sinh viên hoàn thiện thủ tục hồ sơ miễn, giảm học phí tại địa phương theo quy định của nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ.

- Chính sách hỗ trợ tài chính

+ Trường hỗ trợ, hướng dẫn sinh viên thuộc các đối tượng được vay vốn tín dụng hoàn thiện thủ tục hồ sơ vay vốn theo quy định của Quyết định số 05/2022/QĐ- TTg ngày 23/03/2022 của thủ tướng chính phủ.

+ Hỗ trợ sinh viên có thêm thu nhập thông qua việc làm thêm tại Trung tâm sản xuất dịch vụ của trường theo nhu cầu.

- Cam kết bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro

+ Thí sinh khai báo không chính xác thông tin, số liệu khi đăng ký xét tuyển trực tuyến trên hệ thống đăng ký xét tuyển của Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội, được xử lý như sau:

Trường hợp thông tin sai lệch có ảnh hưởng đến kết quả tuyển sinh (đủ/không đủ điều kiện trúng tuyển) được coi như thí sinh đã vi phạm quy chế tuyển sinh và bị hủy kết quả xét tuyển.

Trường hợp thông tin sai lệch không ảnh hưởng đến điều kiện trúng tuyển (thông tin ngày tháng năm sinh, quê quán,...), thí sinh được làm đơn đề nghị cập nhật thông tin, Hội đồng tuyển sinh Nhà trường xem xét để công nhận kết quả xét tuyển.

+ Thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học nhưng nhập học muộn quá thời gian quy định theo thông báo của Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội, được xử lý như sau:

Trường hợp có lý do chính đáng được Nhà trường chấp nhận cho nhập học bổ sung nếu có đơn xin nhập học muộn và có minh chứng cho lý do chính đáng. Thời gian nhập học muộn không được quá 30 ngày kể từ ngày nhập học được ghi trong giấy báo.

Trường hợp không có lý do chính đáng coi như thí sinh từ chối việc nhập học và không được chấp nhận nhập học bổ sung.

1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

1.13.1. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo.

1.13.2. Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học. (không trái các quy định hiện hành).

1.14. Tài chính:

1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường; **134,5** tỷ đồng.

1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 16.591.000 đồng/sinh viên/năm

2. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng chính quy với đối tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

Năm 2022, Nhà trường không tuyển sinh.

III. Tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm

1. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp THPT: Nhà trường không tuyển sinh

2. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng vừa làm vừa học đối với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

Đã tốt nghiệp Cao đẳng/Cao đẳng nghề ngành Công nghệ may, May thời trang, Thiết kế thời trang.

2.2. Phạm vi tuyển sinh: Cả nước

2.3. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc Cao đẳng/Cao đẳng nghề

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng ban hành văn bản	Cơ quan thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
1	Đại học	7540209	Công nghệ may		Xét kết quả học tập bậc Cao đẳng/Cao đẳng nghề	60	1136/QĐ-BGDĐT	07/4/2016	BGDĐT	2016

2.5. Ngưỡng đầu vào

Đã tốt nghiệp Cao đẳng/Cao đẳng nghề ngành Công nghệ may, May thời trang, Thiết kế thời trang.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển

a. Các thông tin chung

- Tên trường: Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội
- Mã trường: CCM
- Website: hict.edu.vn
- Email: tuyensinhdetmay@hict.edu.vn; facebook: <https://www.facebook.com/tshict>
- Điện thoại: 02436922552; 0917966488

b) Số nguyện vọng và số tổ hợp thí sinh được đăng ký xét tuyển

- Số nguyện vọng: Thí sinh chỉ được đăng ký xét tuyển ngành Công nghệ may
- Tổ hợp xét tuyển: Sử dụng kết quả học tập bậc Cao đẳng/Cao đẳng nghề xét tuyển

2.7. Tổ chức tuyển sinh

- Thời gian đăng ký xét tuyển: 07/9/2022- 30/9/2022
- Hồ sơ đăng ký xét tuyển:

TT	Nội dung
1	Bằng tốt nghiệp Cao đẳng/Cao đẳng nghề (công chứng)
2	Bản sao bảng điểm Cao đẳng/Cao đẳng nghề (photo công chứng)
3	Phiếu đăng ký học (theo mẫu của trường)
4	Chứng minh thư nhân dân/ Thẻ căn cước (bản photo)
5	Bản sao khai sinh
6	Lệ phí xét tuyển: 30.000

- Địa chỉ gửi hồ sơ: Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội, Lê Chi- Gia Lâm- Hà Nội. Điện thoại: 02436922552; 0917966488

2.8. Chính sách ưu tiên

2.9. Lệ phí xét tuyển: 30.000 đồng

2.10. Học phí dự kiến đối với sinh viên, lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

Học phí: 715.000 đồng/Tín chỉ áp dụng cho lớp có 35 sinh viên trở lên trong năm học 2022-2023.

Trường hợp lớp không đủ 35 sinh viên, học phí được quy đổi tương đương với mức của lớp 35 sinh viên.

Học phí trên chưa bao gồm học phí học chuẩn đầu ra tiếng Anh B1 và học bổ sung kiến thức đối với các sinh viên tốt nghiệp cao đẳng các ngành khác công nghệ may.

2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh: 07/9/2022-30/9/2022

2.12. Các quy định khác.

IV. Đào tạo từ xa

Năm 2022, Nhà trường không đào tạo từ xa

Cán bộ kê khai



Đoàn Thị Hương Thủy
(ĐT: 0913028498;
Email: thuydth@hict.edu.vn)



HIỆU TRƯỞNG


★TS. Hoàng Xuân Hiệp